HIỆU QUẢ QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG LÀNG BẢN VÙNG MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Phan Đình Nhã

NỘI DUNG TRÌNH BÀY

A. CHỦ THỂ QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG - CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ: HỌ LÀ AI?
B. CÁC LOẠI RỪNG VÀ HIỆU QUẢ BẢO VỆ RỪNG LÀNG BẢN VÙNG MIỀN NÚI PHÍA BẮC
C. TỒN TẠI VÀ THÁCH THỨC ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG LÀNG BẢN
D. ĐIỀU KIỆN ĐỂ LÀNG BẢN QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG HIỆU QUẢ

A. CHỦ THỂ QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG - CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ: HỌ LÀ AI (1)?

1. Cộng đồng:

- Khái niệm quá rộng (nhóm người -> liên quốc gia/toàn cầu)
- Cộng đồng quản lý rừng: Nhiều người nhận thức có thể gồm nhiều chủ thể:
  - ✓ Làng bản - cộng đồng dân cư (chủ rừng/người sử dụng đất theo luật),
  - ✓ Nhóm hộ;
  - ✓ Tổ chức cộng đồng như chi hội thanh niên, phụ nữ, nông dân, cựu CB…

2. Cộng đồng dân cư theo Luật đất đai & Luật lâm nghiệp

- Theo định nghĩa của luật: Cộng đồng dân cư bao gồm người dân sinh sống trên cùng địa bàn thôn bản, buôn làng, bon, phum sóc… điểm dân cư tương tự có cùng phong tục tập quán... : sau đây ***gọi chung là làng bản***
- Chủ thể/chủ rừng là cộng đồng dân cư/hay làng bản có ***đặc điểm đặc thù khác biệt*** với các chủ thể là nhóm hộ, tổ chức cộng đồng:
  - ✓ Làng bản có thiết chế tổ chức quản lý xã hội tự quản: điều hành bởi già làng/HĐGL, trưởng bản - trưởng làng & Luật tục => ***Nhân tố đảm bảo quản lý sử dụng hiệu quả, bền vững ⇔ mà nhóm hộ/tổ chức cộng đồng không có***
  - ✓ Làng bản có rừng quản lý sử dụng chung của cả làng (trước đây là sở hữu chung của làng bản), rừng của làng bản hình thành trong quá trình phát triển
  - ✓ Mục đích sử dụng rừng chính: lợi ích văn hóa xã hội, môi trường và lợi ích chung của làng bản

Ghi chú: Điểm dân cư tương tự (có đủ đặc điểm đặc thù như làng bản)

- ➢ Làng bản truyền thống sát nhập vào thôn bản hành chính,
- ➢ Làng bản tách ra từ làng bản cũ khi dân số tăng

A. CHỦ THỂ QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG - CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ: HỌ LÀ AI (2)?

3. Sử dụng khái niệm công đồng - cộng đồng dân cư chưa rõ ràng:

- Cách gọi "rừng cộng đồng" là do bên ngoài đưa vào làng bản và một số người dân gọi theo. "C*ộng đồng"* gồm cả nhóm hộ, tổ chức xã hội nhận khoán BV, tạm giao quản lýBVR
- Người dân các dân tộc gọi là "rừng của làng, rừng của bản" hoặc rừng tập thể của làng bản (như NĐ 17/1992) – theo luật là cộng đồng dân cư/làng bản

=> Hệ lụy :

- Số liệu thống kê về rừng và đất lâm nghiệp hơn 1,1 triệu ha là không chính xác : Rừng/đất rừng đã giao cho làng bản/cộng đồng dân cư thực tế chỉ khoảng 400 – 500 ha,
- Phần tăng thêm do thống kê cả diện tích nhận khoán, tạm giao cho nhóm hộ, tổ chức xã hội (VD Sơn La, Lai Châu, Điện biên…)

Do vậy:

- Nếu cần thiết coi nhóm hộ, tổ chức cộng đồng là chủ thể được tham gia quản lý BVR thì => *Cần có bằng chứng thuyết phục* để đề nghị sửa luật và *mang tên chủ thể là nhóm hộ, tổ chức cộng đồng* (thực tế nhóm hộ không bền vững: VD Đắk Nông…) và Không gộp vào chủ rừng là làng bản/ cộng đồng dân cư
- Để tránh nhầm lẫn giữa chủ thể quản lý rừng là làng bản/cộng đồng dân cư với các chủ thể khác của cộng đồng, nên thay đổi cách gọi và ghi ở biểu thống kê;
  - ✓ Chủ rừng là làng bản, rừng làng bản (như Nghị định 17/1992 HD thi hành luật BVR 1991)
  - ✓ Hoặc gọi đầy đủ theo quy định của Luật: chủ rừng là *cộng đồng dân cư, rừng cộng đồng dân cư*, không nên viết tắt là rừng cộng đồng

B. CÁC LOẠI RỪNG & HIỆU QUẢ BẢO VỆ RỪNG LÀNG BẢN VÙNG MIỀN NÚI PHÍA BẮC (1)

1. Rừng tín ngưỡng/rừng đặc dụng *(trên hồ sơ giao chủ yếu là rừng sản xuất, một ít rừng hộ)*

- Tên gọi:
  - ✓Khu rừng cúng: Rừng Nào lồng, thứ tỷ (DT Mông; VD ở Lùng Xán/Lùng Sui/Si ma cai – Lào Cai), rừng Đổng chứ/Đổng hầu (DT Nùng, VD ở Na Pa/Bản Mế/Si Ma Cai – Lào Cai), rừng Chía (DT Dao, VD ở xã Phìn Ngan/Bát xát – Lào Cai), Rừng cúng Gà Ma Do (DT Hà Nhì, VD ở Lao Chải xã Y Tý, Bát Xát – Lào Cai), Rừng cúng phi Thó (DT Tày, VD Bắc Lãng/Đình lập - Lạng sơn)…
  - ✓Gọi là rừng thiêng nơi cho là có ma, có thần (nếu không tôn trọng bị thần phạt);
- Quy mô: 500 m2 -> 20/30ha, phổ biến 2 – 5 ha.
- Hiệu quả quản lý bảo vệ:
  - ✓Bảo vệ nghiêm ngặt, củi cũng không được lấy
  - ✓Tình trạng vi phạm: Hầu như không bị chặt phá, chỉ ít người bên ngoài không biết mới vi phạm -> bị phạt nặng

B. CÁC LOẠI RỪNG & HIỆU QUẢ BẢO VỆ RỪNG LÀNG BẢN VÙNG MIỀN NÚI PHÍA BẮC (2)

2. Rừng bảo vệ nguồn nước/Rừng phòng hộ *(trên hồ sơ giao chủ yếu là rừng sản xuất, một ít rừng hộ)*

- Tên gọi: Rừng nguồn nước, rừng đầu nguồn (VD một số bản ở phìn Ngan & Dền sáng/Bát Xát - Lào Cai, một số bản xã Bắc Lãng/Đình Lập - lạng Sơn…)
- Quy mô: 5 ha – 30/50 ha tùy thuộc vào công trình lấy nước (sinh hoạt, thủy lợi của làng)
- Hiệu quả quản lý, bảo vệ:
  - ✓Rừng được BV tốt, Được lấy củi theo theo ngày (2 – 3 lần/năm);
  - ✓Có vi phạm rừng nhưng không đáng kể (chủ yếu người bên ngoài) => phat theo luật tuc

3. Rừng khai thác lâm sản/Rừng sản xuất *(trên hồ sơ giao có cả rừng hộ - thuộc vùng rừng truyền thống của làng bản)*

- Tên gọi: Rừng lấy lâm sản của làng bản… (VD các bản ở xã Cao Sơn/Mường Khương, Phìn Ngan & Dền sáng/Bát Xát – Lào Cai, Bắc Lãng/Đình Lập - Lạng Sơn…
- Quy mô: 5 – 100 ha hoặc hơn

B. CÁC LOẠI RỪNG & HIỆU QUẢ BẢO VỆ RỪNG LÀNG BẢN VÙNG MIỀN NÚI PHÍA BẮC (3)

3. Rừng khai thác lâm sản/Rừng sản xuất *(trên hồ sơ giao có cả rừng hộ): thuộc vùng rừng tryền thống của làng bản*

- Hiệu quả quản lý, bảo vệ:
  - ✓ Rừng được BV tốt, Được lấy củi theo ngày (như rừng phòng hộ)
  - ✓ Khai thác gỗ làm nhà, chuồng trại…:
    - ➢ Hỗ trợ gia đình khó khăn, có sự cố;
    - ➢ Gia đình có nhu cầu làm nhà, chuồng trại: Được mua 1 phần gỗ thông quan đồng thuận khi họp làng bản (đóng góp vào quỹ làng bản – không khai thác để bán). Hiện tại nhiều làng bản đang cấm rừng, vì diện tích có rừng hiện nay ít (DT Mông có quy định về thời gian cấm rừng tư lâu theo luật tục)
  - ✓ Có vi phạm rừng, nhiều hơn rừng nguồn nước (chủ yếu bên ngoài), phạt theo luật tục (nếu rừng giao cho làng bản không phải là rừng truyền thống thì tình trạng bị chặt phát rừng nhiều hơn)

Ghi chú: *Vị trí và thông tin một số khu rừng giao cho làng bản ở Lạng Sơn, Lào Cai, Sơn La, Nghệ an, Kon tum, Luông Prabang - Lào: Xem trên bản đồ và ảnh vệ tinh từ website của Viện SPERI, Trung tâm CIRUM*

Kiểm lâm hỗ trợ làng bản BVR:

- ➢ Truyên truyền công tác BVR, phòng chống cháy rừng, kiểm tra rừng định kỳ
- ➢ Tham gia tuần tra rừng cùng làng bản (Yên Châu – Sơn La do rừng ở xa, không phải rừng truyền thống).

C. TỒN TẠI & THÁCH THỨC ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG LÀNG BẢN (1)

1. Giao rừng không đúng chủ quản lý truyền thống => Không quan tâm BVR, nguy cơ mất rừng, tranh chấp…

- Rừng theo truyền thống là của làng bản => giao cho hộ (VD Phìn Ngan & Dền Sáng/Bát Xát – Lào Cai…)
- Giao rừng theo truyên thống của hộ này lại giao cho hộ khác (VD chương trình giao rừng/đất lâm nghiệp theo không ảnh - Bộ TNMT) VD Cao Sơn/Mường Khương – Lào Cai
- Rừng giao cho làng bản không phải là rừng truyền thống của họ (thuôc làng khác, ở xa…): VD một số khu rừng của Bản Ôn Ôc/Mường Lựm – Sơn la…
- Rừng theo truyền thống là của người dân bản này => giao cho dân làng bản khác: Bát Xát, Mường Khương – Lào Cai

  (Tây Nguyên, miền trung: giao rừng truyền thống của hộ cho làng bản)

2. Rừng/đất rừng của làng bản (đã giao/chưa giao) chưa phù hợp Luật lâm nghiệp:

Các địa phương chưa rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng (bổ sung tiêu chí rừng tín ngưỡng/đặc dụng, rừng BV nguồn nước/phòng hộ) theo luật lâm nghiệp để làm cơ sở triển khai đảm bảo quyền lợi cho làng bản như:

- Điều chỉnh loại rừng trên sổ đỏ loại (phần lớn trước đây ghi là rừng sản xuất - thay đổi nếu là rừng tín ngưỡng, rừng BVNN);
- Giao rừng cho làng bản (nếu thuộc vùng do xã quản lý),
- Thực hiện phương án giao rừng cho làng bản - hoặc đồng quản lý nếu thuộc vùng tổ chức (BQL, Công ty LN) đang quản lý

C. TỒN TẠI & THÁCH THỨC ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG LÀNG BẢN (2)

3. Tác động tiêu cực từ phát triển kinh tế xã hội đến tập quán BVR:

- *Thời kỳ tự cung tự cấp, công tác BVR thường xuyên, hiệu quả hoàn toàn dựa vào Luật tục :*

  Hầu như toàn bộ lao động của làng bản hàng ngày đi nương rẫy, lên rừng

  => Phát hiện và ngăn chặn kịp thời vi phạm rừng;
- *Hiện nay thiếu nguồn lực (tài chính) hỗ trợ để tổ chức tuần tra BVR* (đặc biệt đối với rừng sản xuất)
  - ✓ Nhu cầu cuộc sống tăng, thu nhập từ rừng không đáng kể -> Phần lớn lao động đi làm thêm bên ngoài (chủ yếu nam giới)-> lao động thường xuyên ở nhà ít
  - ✓ Muốn tổ chức tuần tra BVR, cần có kinh phí hỗ trợ (trả công tối thiểu để ở nhà đi tuần tra rừng)…

D. ĐIỀU KIỆN ĐỂ LÀNG BẢN QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG HIỆU QUẢ

1. Giao rừng đúng chủ quản lý truyền thống

- Khu rừng nằm trong ranh giới/không gian sinh tồn của làng bản:
  - ✓ Khu rừng truyền thống của làng bản thì giao cho làng bản
  - ✓ Khu rừng truyền thống của hộ (thường là rừng tái sinh phục hồi từ nương rẫy) thì giao cho hộ
- Nếu khu rừng nằm ngoài ranh giới/không gian sinh tồn của làng bản: Giao cho làng bản nếu:
  - ✓ Làng bản có nhu cầu sử dụng rừng
  - ✓ Làng bản bên cạnh đồng thuận (nếu nằm trong ranh giới làng bên cạnh)

2. Đảm bảo cho mọi người biết khu rừng đã giao cho làng bản:

- Người dân làng bản tham gia đầy đủ quá trình GĐGR;
- Mời chủ rừng liền kề, làng bản lân cận tham gia GĐGR, hop dân làng phổ biến GĐGR
- Thông báo bằng văn bản, thông tin đại chúng cho các làng bản xung quanh, các bên liên quan…

3. Hỗ trợ kinh phí BVR: Ngoài nguồn kinh phí Dịch vụ MTR (nếu có) cần đảm bảo kinh phí ít nhất đủ chi trả cho công tác tổ chức tuần tra BVR của làng bản:

- Đảm bảo kinh phí BVR theo quy định (Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ)
- Bổ sung/huy động kinh phí BVR đối với rừng sản xuất (Luật không quy định),

Trân trọng cảm ơn quan tâm theo dõi